

QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG TRƯỚC NHIỆM VỤ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRONG HOÀN CẢNH HIỆN NAY

ĐẶNG QUỐC BẢO^(*)

*Báo Nhân Dân, cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam trong số tất niên 31/12/2005 sau khi tổng kết 3 thành tựu lớn của giáo dục 2005 có nêu ra sáu điều giáo dục còn bất cập. Tuy chưa phải là một sự tổng kết đánh giá có tính hệ thống và thật tỉ mỉ từ một cơ quan hay viện nghiên cứu, song bài báo này^(**) có một sức nặng nhất định trong công luận.*

Bài báo đáng để cho chúng ta tham khảo, lấy đó làm một điểm tựa bàn luận về thách thức của quản lý nhà trường phổ thông trước nhiệm vụ nâng cao chất lượng giáo dục trong hoàn cảnh hiện nay.

1. Trích nhận định của báo Đảng về "sáu hiện tượng" tạo nên "sáu sự kiện", "sáu cú sốc" gây phản cảm, lo lắng, bàn luận nhiều chiều trong xã hội của giáo dục năm 2005

"Một là, hiện tượng quá tải trong chương trình sách giáo khoa (SGK), đặc biệt quá tải ở tiểu học; sai sót trong SGK mới. Tuy đây là hai sự kiện, nhưng lại có một cái gốc chung của quản lý và khoa học giáo dục. Mặc dù trong chính ngành giáo dục và đào tạo có sự tranh cãi của các tác giả sách, các nhà sư phạm, nhà khoa học theo kiểu "sư nói sư phải, vĩ nói vĩ hay", nhưng cái gốc là ở chỗ, làm ngược lại với chủ trương quy trình chuẩn kiến thức để từ đó có được chương trình chuẩn, và những bộ SGK chuẩn mực, phù hợp mục tiêu cấp học, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học đường, không

tạo được sự liên thông trong chương trình giữa các cấp học mang tính tổng thể; và do sự phân tâm, do cơ chế "tiền + quyền lực + dự án", ngành đã không tập hợp được những tác giả SGK thật sự giỏi.

Hai là, hiện tượng thiết bị giáo dục lãng phí và ít hiệu quả. Với sáu, bảy trăm tỷ đồng mỗi năm cho thiết bị giáo dục (TBGD), nguy cơ "tiền tỷ ném ra gió" trong công tác TBGD là có thật. Cơ chế quản lý TBGD tất yếu tạo ra hiện tượng "đi đêm". TBGD sản xuất lại kém chất lượng, rốt cục thiệt hại lớn nhất vẫn là Nhà nước và các em học sinh. Mô hình và

^(*) PGS., TS. Trường Quản lý giáo dục.

^(**) Xem: Kim Dung. Nhìn lại giáo dục năm 2005: Ba cái được, sáu tồn tại. Nhân dân, ngày 31/12/2005.

cơ chế quản lý TBGD hiện nay dứt khoát cần phải được đổi mới.

Ba là, hiện tượng tỷ lệ tốt nghiệp môn ngoại ngữ cấp THCS ở Khánh Hoà quá thấp. Có thể có rất nhiều nguyên nhân hoặc giảng dạy quá yếu, hoặc học sinh quá kém, hoặc đề thi quá khó. Nhưng, dù từ nguyên nhân nào, thì việc Khánh Hoà được phép cho số thí sinh này thi lại ở kỳ thi bổ túc văn hoá THCS sau đó, vẫn chỉ là giải pháp “yên dân”, chứ không có ý nghĩa gì về chất lượng giáo dục. Hơn nữa, hiện tượng này khiến xã hội thêm một lần nữa lo ngại về chất lượng dạy và học hiện nay.

Bốn là, hiện tượng “điểm thưởng”: Chỉ với một lá thư nhỏ của một học sinh nữ ở Nghệ An dũng cảm gửi tới Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã làm “vỡ” ra sự thật về mặt trái của một chủ trương có mục đích tốt. Cùng với kết quả mới đây của các đoàn cán bộ giáo dục và đào tạo khảo sát các trường đại học cho thấy, các sinh viên (là học sinh tốt nghiệp THPT đạt loại giỏi) được cộng điểm thưởng ba năm trở lại đây tăng nhanh vùn vụt, từ hơn 13.000 lên gần 30.000 em. Rõ ràng, một chủ trương với mục đích tốt, trong thực tế triển khai, đã bị nhiều người lợi dụng, làm nảy sinh không ít tiêu cực.

Năm là, hiện tượng “mô hình và chương trình phân ban”: Có thể nói, đây là một chủ trương gây bàn cãi, rắc rối, gây tốn kém không ít giấy mực, dù mới ở diện thí điểm. Mới đây, chương trình phân ban lại một lần nữa được ngành giáo dục và đào tạo điều chỉnh. Xem xét kỹ chủ trương này, người ta thấy mọi con đường phân ban chỉ để đi đến cánh cửa trường đại học, không góp phần gì cho việc đào tạo nguồn nhân lực, một nhiệm vụ lớn của ngành, phản chiếu sự bị động và lúng túng trong tư duy phát

triển giáo dục của ngành.

Sáu là, hiện tượng “điều chỉnh học phí cấp THPT và đại học”. Đây là một chủ trương vừa phù hợp tinh thần Luật Giáo dục 2005 mới ban hành, vừa góp phần cải thiện chất lượng giáo dục và đào tạo, hạn chế hiện tượng lạm thu của các trường. Tuy nhiên, đây cũng là vấn đề cực kỳ nhạy cảm, cần được xem xét kỹ lưỡng, có căn cứ thực tiễn và cơ chế quản lý phù hợp, tính đến yếu tố xã hội. Một chủ trương đúng, nhưng do thông tin vội vã, rất đáng tiếc đã tạo ra những hiệu ứng bất lợi cho ngành và gây căng thẳng trong xã hội”.

2. Thách thức của quản lý nhà trường phổ thông nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong hoàn cảnh hiện nay

Bàn luận về chất lượng giáo dục nhà trường phổ thông hiện nay có ý kiến cho rằng đây là một thành tựu phi thường so với mức chi cho công việc đào tạo. Tuy nhiên cũng có ý kiến cho rằng nhìn tổng thể so với nhà trường thời chống Pháp, chống Mỹ chi phí cho giáo dục thua xa mức chi hiện nay và đối chiếu với yêu cầu đưa đất nước vào hội nhập thì chất lượng giáo dục phổ thông là bất cập.

Quản lý nhà trường trừ một số ít có sự năng động sáng tạo tạo ra nội lực đưa tới các thành công ấn tượng, còn đa số rơi vào một sự khuôn sáo giáo điều. Do quản lý từ các cấp bên trên chậm đổi mới thực sự về tư duy và phương thức hành động, thay vào đó là sự chỉ đạo có tính quyên uy, giáo điều, vụ thành tích nên quản lý của chính cơ sở nhà trường phổ thông cũng đi theo quán tính này.

Nhận diện thách thức của quản lý nhà trường phổ thông, trong phạm vi

bài viết này xin được khái quát thành một số điều sau:

a. Quyền tự chủ và gắn liền vào đó là sự chịu trách nhiệm trước xã hội của nhà trường phổ thông rất hạn chế. Hầu như hiệu trưởng các trường phổ thông rất ít có quyền tự chủ với thực hiện quá trình đào tạo.

Chương trình SGK mới ban hành được coi là pháp lệnh, hiệu trưởng không có quyền được hiệu chỉnh trước các vô lý... Khi cấp trên bảo giảm tải, thì hiệu trưởng phải giảm tải, bảo giảm tải 15% thì phải giảm tải đi 15% nội dung, nhưng đó là nội dung nào thì không có sự bàn luận dân chủ thật kỹ lưỡng và chu đáo.

...Khi cấp trên bảo bỏ thi THCS, thì phải thực hiện bỏ thi, nhưng lộ trình cho việc bỏ thi thế nào đảm bảo duy trì động lực dạy và học thì hiệu trưởng cứ phải án binh bất động chờ hướng dẫn, mà hướng dẫn thì lại rất chậm chạp. Nhiều nhà trường do áp lực bên ngoài (cấp quản lý lãnh thổ) bắt phải thi nhiều thứ, phần lớn là các nội dung thi không cần học, còn cái cần học thì lại không phải thi (?).

Phân ban là một chủ trương lớn, có tác động lớn đến nhiều gia đình - nếu không nói là 100% gia đình cư dân khi phổ cập THCS đã đi đến cao trào - thì chủ trương này không được sự bàn luận rộng rãi của xã hội, mà chỉ do một thiểu số người làm..., một thiểu số người đề xuất...

Có thể dẫn ra thêm nhiều hiện tượng khác. Tuy nhiên tất cả đều dẫn đến lo lắng sau đây:

“Dân chủ hoá quá trình đào tạo”.

“Dân chủ hoá quá trình đào tạo” mới chỉ là thông điệp lý thuyết, chúng còn hơi xa vời trước yêu cầu của đời sống thực tiễn giáo dục đích thực hiện nay”.

Tư tưởng về một kiểu nhà trường phổ

thông có tính đồng nhất (unique) ăn sâu vào cung cách quản lý khiến cho có sự thui chột các ý tưởng sáng tạo. Những năm 60 của thế kỷ XX chúng ta có các điển hình Bắc Lý, Cẩm Bình, Thanh niên Lao động xã hội chủ nghĩa Hoà Bình. Đây là sự sáng tạo của thực tiễn mà cấp quản lý bên trên đã ủng hộ và tạo ra một sự thăng hoa trên toàn miền Bắc. Gần nửa thế kỷ trôi qua, các phương thức quản lý nhà trường một thời sáng giá thiếu một sự kế thừa, chất chiu và nuôi dưỡng. Kiểu quản lý nhà trường ngày nay rời xa các lý tưởng quản lý nhà trường lao động và nhà trường cộng đồng.

Ta chưa tạo ra một sự vượt gộp các mô hình này, tìm ra cơ chế thích hợp với cơ chế của kinh tế chuyển đổi, nên mô hình quản lý nhà trường phổ thông hiệu quả trong bối cảnh mới chưa xuất hiện.

b. Sự phối hợp chưa chặt chẽ giữa giới sư phạm và giới kinh tế đối với các giải pháp kinh tế giáo dục cho quá trình giáo dục phổ thông.

Một trong những thành công lớn của giáo dục thế kỷ XX là sự ra đời môn kinh tế học giáo dục như một phân môn của giáo dục học mở rộng. Ta đã kịp thời cập nhật thành tựu của khoa học này vào nước ta từ thập kỷ 70 của thế kỷ XX. Những nghiên cứu điển hình cho luận chứng kinh tế về các chương trình phổ cập giáo dục tiểu học đã thực hiện ở Hồng Dương (Thanh Oai), Hà Nội, Vĩnh Phúc. Các công trình này đã đi đến khuyến nghị phải tính được giá thành đơn vị đào tạo (Unit cost) cho kế hoạch phổ cập giáo dục. Chú ý cả hai mặt số lượng (huy động trẻ em ra lớp) và chất lượng (đảm bảo mức tối thiểu của học vấn và trình độ giáo dục). Các công trình này cũng đã chỉ ra phương thức huy động nguồn vốn cho các kế hoạch này (vốn nhà nước, vốn cộng đồng, vốn của gia đình học sinh).

Tư duy này thiếu được hiện thực hoá đến nơi đến chốn...

Ta đang có một mối lo về hệ thống cán bộ phụ trách quản lý nhà trường phổ thông hiện nay: nhà sư phạm thiếu tư duy kinh tế thực chứng, nhà kinh tế thiếu tư duy tinh tế về quá trình giáo dục, về các hoạt động đào tạo.

Nếu chúng ta đào tạo được một đội ngũ cán bộ kinh tế học giáo dục có tâm, có tâm để tư vấn cho các cấp quản lý giáo dục và chính quyền... chắc chắn sẽ bớt được các đường bóng viêt vị vừa rồi ở đề án học phí, bớt được các thành tựu giả tạo ở một số nơi công bố đã hoàn thành phổ cập giáo dục...

Điều rất đáng suy nghĩ là khi ta công bố các thành tựu giáo dục phổ thông năm sau cao hơn năm trước liên tục trong những năm qua... thì UNDP lại liên tục công bố các chỉ số giáo dục của nước ta ở tình trạng thiếu phát, giảm phát trong 3 năm gần đây ở các khía cạnh: số người biết chữ và số người học được huy động ra lớp.

Cần phải cảnh báo có hiện tượng sau đây ở nước ta:

Một số nhà sư phạm làm chính sách giáo dục phổ thông thường vạch ra các mục tiêu “hơi lãng mạn” về nội dung học vấn phổ thông, về tiến độ phổ cập giáo dục so với năng lực của kinh tế. Trong lúc đó, một số nhà kinh tế làm chính sách cung ứng cho giáo dục lại có khuynh hướng thực dụng, không lưu ý đến các yêu cầu tinh tế của một quá trình giáo dục đích thực.

Quá trình giáo dục phổ thông đang bị giằng xé giữa một véctơ do nhà sư phạm chỉ phối và một véctơ do nhà kinh tế chỉ phối. Hai véctơ này chưa tìm ra điểm gốc chung (giá thành đào tạo và cung ứng cho tổng chi phí để đạt được chuẩn tối thiểu, chuẩn gốc quốc gia hay chuẩn khu vực).

Căn cứ vào số giờ học trong các nhà

trường phổ thông hiện nay. Liên Hợp Quốc tại Việt Nam có một khuyến cáo rằng giờ học “của Việt Nam mới bằng 40% của Thailand”.

Chúng ta mới chỉ có số thời gian học bằng 40% của Thailand, song chúng ta lại đề ra một chương trình học (minh chứng qua chương trình học của lớp 1)- nặng gấp nhiều lần so với Thailand.

Nhà làm chính sách giáo dục đề ra một chính sách nào đó về “nhà trường” thường ít tham vấn ý kiến của nhà kinh tế xem có khả thi không. Ngược lại nhà kinh tế cũng ít hỏi han nhà làm chính sách giáo dục xem kinh phí cấp phát cho đào tạo liệu đã đủ cho việc duy trì chất lượng tối thiểu chưa. Muốn nâng từ chất lượng tối thiểu đến chất lượng quốc gia hay khu vực, thì cần bao nhiêu và sẽ khai thác từ đâu để có kinh phí này.

c. Quá trình giáo dục ở trường phổ thông về lý thuyết đòi hỏi sự toàn vẹn, song trong điều khiển tác động vào các nhân tố tạo nên quá trình này lại bị chi phối bởi nhiều nút bấm.

Quản lý giáo dục tác động vào 5 mặt:

- Người học,
- Chương trình giáo dục, SGK,
- Người dạy - Nhân sự,
- Bộ máy đào tạo,
- Tài chính,
- Cơ sở vật chất - Sư phạm.

Đáng lẽ ra cả 6 mặt này chỉ nên có một nút bấm, một nút chỉ huy. Song thực tế ở các trường công lập hiện nay có 3 nút chỉ huy:

- Nút chỉ huy các vấn đề chuyên môn dạy học,
- Nút chỉ huy vấn đề nhân sự,
- Nút chỉ huy vấn đề tài chính.

Nhiều hiệu trưởng trường phổ thông công lập ở trong tình trạng “múa tay trong bị” do còn tình trạng “Cơ chế xin-cho”.

...Họ thiếu quyền lực tối thiểu thực hiện đồng bộ các chức năng quản lý “Kế-Tổ-Đạo-Kiểm” đối với hai nhân tố tiên và người (cán bộ-giáo viên) và do vậy họ khó có thể nâng cao được chất lượng giáo dục đích thực.

3. Xây dựng quan điểm quản lý đúng đắn đối với thiết chế nhà trường phổ thông từ sự ý thức đúng đắn tầm quan trọng của giáo dục phổ thông

Ít lâu nay xuất hiện một quan điểm: “Bức xúc của quản lý giáo dục hiện nay tập trung vào quản lý giáo dục đại học, giáo dục phổ thông cứ hành xử như hiện tại là được rồi”.

Suy ngẫm kỹ thì không hẳn như vậy. Giáo dục đại học cũng quan trọng và giáo dục phổ thông càng quan trọng hơn. “Giáo dục phổ thông là nền tảng văn hoá của dân tộc”. Thông điệp này đã được ghi trong Nghị quyết số 14-NQ/TW, ngày 11/1/1979 của Bộ Chính trị BCHTW Đảng Cộng sản Việt Nam khoá IV (3, tr.6-51). Cho đến nay luận đề này vẫn còn giữ nguyên giá trị, và đất nước càng đi vào con đường công nghiệp hoá, hội nhập, thực hiện một sự tăng trưởng bền vững có chất lượng càng phải chú ý thực hiện tốt thông điệp này.

Toàn quốc hiện nay có 37.270 trường từ mầm non đến phổ thông. Nếu tính riêng phổ thông thì có trên 20.000 trường. Nếu mỗi nhà trường phổ thông đều là một điểm sáng trong đời sống cộng đồng (vàng trán của cộng đồng) thì tạo ra một sức mạnh tổng hợp lớn lao cho sự phát triển đất nước còn rất nhiều khó khăn như hiện nay.

Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ, chúng ta đã tạo ra được một mạng lưới các nhà trường phổ thông khá mạnh mẽ làm hậu thuẫn vững chắc cho sự nghiệp đấu

tranh thống nhất đất nước. ở địa phương nào cũng có các điển hình nhà trường phổ thông với các bài học kinh nghiệm về quản lý rất phong phú và có ý nghĩa đích thực.

Ngày nay thực hiện nền kinh tế chuyển đổi, sự phát triển quá trình giáo dục ở nhà trường phổ thông khó khăn hơn, quản lý giáo dục nhà trường phổ thông để tạo ra chất lượng đích thực cũng có nhiều khó khăn hơn. Tuy vậy, nhà trường phổ thông ở nước ta lại có một thế mạnh mà ít nước có được là nó gắn bó với cộng đồng, được định hướng bởi một hệ tư tưởng do Đảng lãnh đạo, nhân dân rất hiếu học và hết lòng chăm lo cho con em của họ được chu đáo ở giáo dục cơ sở.

Dựa thật sự vào trí tuệ cộng đồng cả về mặt giáo dục đào tạo và huy động nguồn lực (lâu nay ta chỉ dựa vào sự huy động nguồn lực, rất coi nhẹ nhu cầu và kinh nghiệm giáo dục của cộng đồng), có sự phối hợp chặt chẽ hai giới kinh tế và giáo dục từ cấp vi mô đến cấp vĩ mô, đào tạo người hiệu trưởng phổ thông chu đáo hơn về nghiệp vụ quản lý, kinh nghiệm quản lý và trao cho họ quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm xã hội nhiều hơn... chắc chắn ta sẽ vượt qua các thách thức nêu ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Minh Hạc. Giáo dục Việt Nam trước ngưỡng của thế kỷ XXI. H.: Chính trị quốc gia, 2002.
2. Phạm Minh Hạc. Phương pháp tiếp cận nhân văn đối với việc triển khai thực hiện kế hoạch hành động quốc gia về giáo dục cho mọi người. (Chuyên khảo chỉ số phát triển giáo dục trong HDI). H.: Chính trị quốc gia, 2005.
3. Văn kiện Đảng toàn tập, T.40. <http://www.dangcongsan.vn/details.asp?topic>